| | |
|---|---|
| UBND TỈNH HÀ TĨNH<br>**THANH TRA TỈNH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 13 /QĐ-TT | *Hà Tĩnh, ngày 15 tháng 01 năm 2026* |

# QUYẾT ĐỊNH
## Về việc công bố công khai phân bổ dự toán ngân sách năm 2026

## CHÁNH THANH TRA

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ Quyết định số 3163/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh về việc giao dự toán ngân sách năm 2026 cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh;*

*Căn cứ Quyết định số 36/2025/QĐ-UBND ngày 25/6/2025 của UBND tỉnh về ban hành chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra tỉnh;*

*Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Thanh tra tỉnh.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai phân bổ dự toán ngân sách năm 2026 của Thanh tra tỉnh *(có biểu kèm theo)*.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành;

Chánh Văn phòng và Phụ trách kế toán Thanh tra tỉnh, các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Sở Tài chính (p/h);
- Lãnh đạo và CBCC Ttra tỉnh;
- Cổng TTĐT (để công khai);
- Lưu: VT, KT.

**KT. CHÁNH THANH TRA**
**PHÓ CHÁNH THANH TRA**

**Lê Toàn Thắng**

**PHÂN BỔ DỰ TOÁN CHI NĂM 2026**

*(kèm theo Quyết định số /QĐ-TT ngày /01/2026 của Thanh tra tỉnh)*

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| STT | Nội dung | Dự toán được giao |
|---|---|---|
| **I** | **Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí** | |
| 1 | Số thu phí, lệ phí | |
| 1.1 | Lệ phí | |
| 2 | Chi từ nguồn thu phí được để lại | |
| 2.1 | Chi sự nghiệp | |
| 2.2 | Chi quản lý hành chính | |
| a | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ | |
| b | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ | |
| 3 | Số phí, lệ phí nộp NSNN | |
| 3.1 | Lệ phí | |
| 3.2 | Phí | |
| **II** | **Dự toán chi ngân sách nhà nước** | **41.270** |
| **1** | **Chi quản lý hành chính** | **42.215** |
| 1.1 | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ, trong đó: | 31.497 |
| 1.2 | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ | 9.773 |
| **2** | **Chi sự nghiệp** | |
| 2.1 | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên | |
| 2.2 | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên | |
| **3** | **Chi sự nghiệp đào tạo** | **36** |
| 3.1 | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên | |
| 3.2 | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên | 36 |

**THANH TRA TỈNH**